

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C..... Ngày: 03/11/...

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Căn cứ Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định nội dung, thủ tục kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Việc nhập khẩu muối trong các trường hợp sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này và được thực hiện theo các quy định quản lý hiện hành:

- Tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh.
- Nhập khẩu để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu hoặc gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài.
- Hành lý cá nhân, hàng mẫu, hàng triển lãm hội chợ, hàng tinh khiết (Pa) dùng làm thuốc thử trong phân tích hóa học, quà biếu và muối mỹ phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhập khẩu muối (sau đây gọi chung là người nhập khẩu); các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Muối (kể cả muối ăn và muối đã bị làm biến tính): là hợp chất, có thành phần chính là natri clorua (công thức hóa học: NaCl), được sản xuất từ nước biển; khai thác từ mỏ muối sử dụng cho ăn, uống, làm nguyên liệu cho các ngành sản xuất công nghiệp, hóa chất, thực phẩm, y tế và các ngành khác.

2. Muối thực phẩm (muối ăn) có mã HS 2501.00.10: là muối có hàm lượng natri clorua cao, dư lượng kim loại nặng ở mức cho phép, được sử dụng cho ăn trực tiếp và chế biến thực phẩm.

3. Muối công nghiệp: là muối thô sản xuất ra trên đồng muối có mã HS 2501.00.90 hoặc khai thác từ mỏ muối có mã HS 2501.00.20, được sơ chế để loại bớt tạp chất, có hàm lượng natri clorua cao được sử dụng trong ngành công nghiệp hóa chất hoặc làm nguyên liệu để chế biến muối tinh và các ngành khác.

4. Muối tinh có mã HS 2501.00.90: là muối đã được chế biến theo phương pháp nghiền rửa, hoặc tái kết tinh hoặc kết tinh trong chân không được sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm, y tế, xử lý nước và các ngành khác.

5. Lô hàng muối nhập khẩu: là tập hợp một chủng loại muối được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một cơ sở sản xuất và thuộc cùng một bộ hồ sơ nhập khẩu.

6. Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS lĩnh vực hóa: là phòng thử nghiệm đáp ứng các điều kiện theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 được Văn phòng Công nhận chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá, cấp Chứng chỉ công nhận phòng thử nghiệm VILAS lĩnh vực hóa có đối tượng thử là muối natri clorua (Danh sách được công bố trên Website www.boa.gov.vn để người nhập khẩu lựa chọn sử dụng dịch vụ thử nghiệm chất lượng của sản phẩm, hàng hóa phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước).

Điều 4. Căn cứ kiểm tra

1. Đối với nhập khẩu muối thực phẩm (muối ăn): Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3974-2007 về muối thực phẩm.

2. Đối với nhập khẩu muối tinh: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9639-2013 muối (natri clorua) tinh.

3. Đối với nhập khẩu muối công nghiệp: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9640-2013 muối (natri clorua) công nghiệp.

4. Đối với nhập khẩu muối các loại quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này: Các chỉ tiêu về kim loại nặng trong muối theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Điều 5. Chất lượng muối nhập khẩu

Các loại muối nhập khẩu thuộc nhóm 2501 theo Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu do Bộ Tài chính ban hành, phải đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Phương thức kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu và lấy mẫu thử nghiệm, lưu mẫu

1. Phương thức kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu:

Áp dụng phương thức kiểm tra chặt về chất lượng muối nhập khẩu. Tất cả các lô hàng muối nhập khẩu đều được kiểm tra, đánh giá về chất lượng khi nhập khẩu.

2. Lấy mẫu thử nghiệm và lưu mẫu:

a) Khi lô hàng muối về đến cửa khẩu, người nhập khẩu liên hệ với cơ quan Hải quan cửa khẩu nhập để làm thủ tục hải quan, lấy mẫu muối theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và đưa hàng hóa về kho bảo quản theo quy định của cơ quan Hải quan.

b) Mẫu đại diện của lô hàng muối nhập khẩu được lấy theo phương pháp lấy ngẫu nhiên, có sự chứng kiến của đại diện cơ quan Hải quan cửa khẩu nhập và được chia làm 03 phần: 01 mẫu thử nghiệm; 01 mẫu lưu tại cơ quan kiểm tra; và 01 mẫu người nhập khẩu lưu. Số lượng mỗi mẫu tối thiểu 200 gram, tối đa 500 gram đủ để thử nghiệm các chỉ tiêu cần kiểm tra theo quy định. Mẫu muối được đựng trong hộp hoặc chai nhựa kín có dán số hiệu niêm phong của cơ quan Hải quan. Đại diện người nhập khẩu và cơ quan Hải quan lập biên bản lấy mẫu muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc, người nhập khẩu phải giao mẫu thử nghiệm cho phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS lĩnh vực hóa. Các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu phân tích đối với mẫu thử nghiệm của lô hàng muối nhập khẩu được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Chi phí lấy mẫu và thử nghiệm chất lượng mẫu muối nhập khẩu do người nhập khẩu chi trả.

d) Thời gian lưu mẫu tại cơ quan kiểm tra và người nhập khẩu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu.

Chương II
NỘI DUNG, THỦ TỤC KIỂM TRA VÀ
XỬ LÝ KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG MUỐI NHẬP KHẨU

Điều 7. Nội dung kiểm tra

Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.
2. Kiểm tra sự phù hợp giữa mẫu, kết quả thử nghiệm mẫu của lô hàng muối nhập khẩu với nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu, yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Tổ chức đánh giá lại chất lượng lô hàng muối nhập khẩu khi có khiếu nại, tố cáo về chất lượng đối với lô hàng muối nhập khẩu.

Điều 8. Hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

Người nhập khẩu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 11 Thông tư này, hồ sơ gồm:

1. Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Bản sao chụp các giấy tờ sau:
 - a) Hợp đồng mua bán hàng hóa (là bản tiếng Việt hoặc bản tiếng Anh, nếu là ngôn ngữ khác thì người nhập khẩu phải nộp kèm bản dịch ra tiếng Việt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung bản dịch);
 - b) Hóa đơn;
 - c) Danh mục hàng hóa;
 - d) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa;
 - đ) Vận đơn;
 - e) Tờ khai hàng hóa nhập khẩu;
 - g) Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (nếu có);

3. Bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận lưu hành tự do (viết tắt là CFS) đối với muối ăn do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp theo quy định tại Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Bản chính các giấy tờ sau:

a) Biên bản lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này và mẫu muối nhập khẩu theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu do phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS lĩnh vực hóa cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Thủ tục kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

1. Cơ quan kiểm tra tiếp nhận và kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng muối của người nhập khẩu. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan kiểm tra trả lời về tính hợp lệ của hồ sơ và xác nhận vào “Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu” theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này. Trong đó, cơ quan kiểm tra xác nhận hồ sơ đầy đủ hoặc xác nhận các thành phần hồ sơ còn thiếu và người nhập khẩu có trách nhiệm bổ sung đủ hồ sơ trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.

2. Trường hợp người nhập khẩu không bổ sung đủ hồ sơ, cơ quan kiểm tra xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư này và ra “Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu” như sau:

a) Trường hợp mẫu của lô hàng muối nhập khẩu phù hợp với nội dung hồ sơ đăng ký và có kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, cơ quan kiểm tra ra “Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu” xác nhận lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gửi tới người nhập khẩu và cơ quan Hải quan để làm thủ tục thông quan cho lô hàng.

b) Trường hợp mẫu của lô hàng muối nhập khẩu không phù hợp với nội dung hồ sơ đăng ký hoặc có kết quả thử nghiệm mẫu muối nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng muối nhập khẩu tương ứng quy định tại Điều 4 và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, cơ quan kiểm tra ra “Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu” xác nhận lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu, gửi tới người nhập khẩu và cơ quan Hải quan.

4. Cách thức trả kết quả: Theo đề nghị của người nhập khẩu, trả kết quả trực tiếp tại cơ quan kiểm tra quy định tại Điều 11 hoặc gửi qua đường bưu điện tới người nhập khẩu, chi phí gửi bưu điện do người nhập khẩu trả.